

MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ GIÁO TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY MÔN TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH

Nguyễn Thị Hiền*

1. Môn Tiếng Việt thực hành bắt đầu được giảng dạy chính thức ở bậc Đại học từ năm 1995. Đến nay, môn học này trở thành một tín chỉ bắt buộc đối với một số chuyên ngành đào tạo ở các trường đại học. Mục tiêu của môn học này là nhằm rèn luyện cho sinh viên khả năng sử dụng tiếng Việt ở trình độ cao, cụ thể là khả năng tiếp nhận (nghe, đọc) và tạo lập (viết, nói) các dạng thức văn bản khoa học, văn bản chính luận, hành chính v.v... Đây là một môn học quan trọng, tạo nền tảng kiến thức cũng như các kỹ năng cần thiết cho sinh viên ở năm thứ nhất bậc đại học. Ở các nước phương Tây, đầu vào của một khóa học cũng thường được bắt đầu bằng một học phần được gọi là “Presenting Academic Discourse”, trong đó, quan trọng nhất là kỹ năng viết theo văn phong khoa học, kỹ năng thuyết trình và tiếp nhận văn bản. Đây là học phần mang tính chất tiền đề để sinh viên làm quen với nghiên cứu khoa học, với kỹ năng viết và thuyết trình mang tính học thuật. Tuy nhiên, trong quá trình giảng dạy chúng tôi nhận thấy còn có một số điểm bất cập về giáo trình và phương pháp giảng dạy, mà chính điều này sẽ hạn chế rất lớn đến hiệu quả môn học.

2. Điểm đầu tiên cần lưu ý là hiện nay ở một số trường có sự chồng chéo trong cấu trúc chương trình các môn học, ví dụ, bên cạnh “Tiếng Việt thực hành” còn có “Kỹ năng thuyết trình” và “Kỹ năng soạn thảo văn bản”. Như vậy, khó khăn cho người dạy là phải xác định được mục tiêu của học phần Tiếng Việt thực hành, sự giao thoa với các môn khác để tránh trùng lặp kiến thức.

Các giáo trình đã xuất bản hiện nay chủ yếu được cấu trúc gồm hai phần: phần lý thuyết và hệ thống bài tập. Hệ thống lý thuyết chủ yếu là ôn lại những kiến thức Tiếng Việt mà sinh viên đã được trang bị từ bậc học tiểu học và phổ thông. Trong các cấp độ giao tiếp thì văn bản được đưa vào nhiều nhất, sau đó là đoạn văn, câu, từ và chính tả. Về cơ bản, lấy văn bản là đơn vị chính để nghiên cứu là cần thiết và hợp lý với cấp học này. Ở năm học thứ nhất, sinh viên mới chuyển từ cách học ở phổ thông sang cách học ở đại học, phải tiếp xúc nhiều với các tài liệu khoa học. Hơn nữa, với tốc độ bùng nổ thông tin như hiện nay thì cách đọc, cách tóm tắt, tổng thuật thông tin là cực kỳ quan trọng. Do vậy, các em vừa cần kỹ năng tạo lập vừa cần kỹ năng tiếp nhận văn bản. Phần bài tập thực hành trong các giáo trình tham khảo khá đa dạng. Tuy nhiên, ngữ liệu ở phần ví dụ và phần bài tập chủ yếu là các tác phẩm văn học, các bài báo về các vấn đề xã hội. Do đó, nếu áp dụng với sinh viên chuyên

* Đại học Thương mại.

ngành kinh tế và ngoại ngữ thì chưa thực sự phù hợp. Hơn nữa, nếu ngữ liệu chỉ ở dạng văn bản viết thì sinh viên không thể thực hành kỹ năng tiếp nhận văn bản dạng nói. Theo thời gian, những ngữ liệu được trích dẫn cũng đã cũ đi, thiếu tính thời sự, tính hấp dẫn của các vấn đề chính trị - kinh tế - xã hội - khoa học kỹ thuật.

Với những giáo trình tiếng Việt thực hành như hiện nay thì vai trò của người giáo viên là ôn tập lý thuyết và hướng dẫn sinh viên thực hành. Sinh viên rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt của mình bằng hệ thống bài tập. Chúng tôi nhận thấy qua các bài kiểm tra, kiến thức tiếng Việt của sinh viên còn hổng, các kỹ năng tiếp nhận hay tạo lập văn bản của sinh viên còn hạn chế. Với thời lượng 30 tiết lý thuyết và 6 tiết thảo luận, sinh viên phải nỗ lực rất nhiều mới có thể rèn luyện được hết các kỹ năng mà mục tiêu đề ra. Hơn nữa, với nội dung và phương pháp giảng dạy đó, nếu giáo viên không linh hoạt thì có thể gây nhàm chán, đơn điệu và khó có thể thu hút được sinh viên.

3. Xây dựng được một giáo trình chuẩn là một công việc tối quan trọng. Khi chúng ta đã xác định được rõ mục tiêu thì giáo trình là khâu cụ thể hóa mục tiêu đấy. Qua kinh nghiệm giảng dạy cho thấy, đối với các sinh viên không chuyên ngôn ngữ thuộc các khối khoa học tự nhiên thì mục tiêu quan trọng nhất là rèn các em nói đúng, viết đúng. Do vậy, phân lý thuyết cần tối giản đến mức có thể. Mỗi chương mục có thể chỉ cần một số gạch đầu dòng để ôn luyện và ghi nhớ cho các em về quy tắc văn phạm và ngữ pháp, những bước cơ bản để tạo lập hay tiếp nhận văn bản. Đối với sinh viên khá và giỏi, các em có thể tham khảo thêm kiến thức trong những tài liệu chuyên sâu. Giáo trình cũng có thể lựa chọn những văn bản chuẩn mực, có tính cập nhật để học sinh tham khảo. Đặc biệt, giáo trình cần phải tăng thêm lượng bài tập, và đa dạng hóa các dạng bài tập để thu hút và kích thích sự sáng tạo của sinh viên. Theo chúng tôi, cần đưa ra cả hai dạng bài tập “nói” và “viết”. Ví dụ, khi dạy về lập luận có thể đưa ra các vấn đề xã hội cho các em tranh luận. Hoặc yêu cầu sinh viên thuyết trình về các chủ đề cho sẵn, các chủ đề này có thể gắn với ngành học của các em hoặc những vấn đề về đời sống xã hội mà các em quan tâm. Các bài tập dạng viết cũng nên đa dạng, từ kiểu bài trắc nghiệm đến kiểu bài tự luận, từ những bài tiểu luận dài hoặc những đoạn văn ngắn, câu ngắn. Để phát triển kỹ năng viết, trong suốt học phần, giáo viên có thể hướng dẫn sinh viên thực hành viết các tiểu luận nhỏ theo từng bước và thuyết trình trước lớp về những đề tài cho sẵn hoặc tự chọn. Những dạng bài tập như thế sẽ rèn luyện cho các em một cách tổng thể các kỹ năng. Trong các dạng trắc nghiệm, có bài chỉ kiểm tra kiến thức đơn giản, nhưng cũng có những bài cần các em động não suy luận. Các câu hỏi ở những phần bài tập nên là những vấn đề gợi mở, cho sinh viên được có cơ hội tranh luận. Ví dụ, trong tiếp nhận văn bản, có thể đưa ra những văn bản có nhiều cách hiểu, nhiều cách bố cục để tạo cơ hội cho sinh viên được thể hiện mình. Hoặc trong phần lập luận, cũng cần đưa ra những nội dung mở, thậm chí những ý kiến trái chiều để sinh viên cùng phân tích, đánh giá vấn đề và tranh luận với nhau.

4. Với những nội dung đó, chúng tôi cho rằng nên áp dụng phương pháp dạy học tiếng Việt như các môn học ngoại ngữ khác. Dĩ nhiên, ở đây, yêu cầu đối với sinh viên không phải là nghe - nói - đọc - viết thông thường mà là trình độ tiếng Việt ở mức độ cao. Không nên chỉ áp dụng phương pháp ôn luyện lý thuyết và làm bài tập dạng viết mà nên đa dạng các hoạt động. Đối với việc đào tạo tin chỉ như hiện nay, hoạt động nhóm đóng vai trò rất quan trọng. Hoạt động nhóm có thể được áp dụng trong phần học về tạo lập và

tiếp nhận văn bản. Có thể cho các em bàn bạc, lập luận và tranh luận với nhau. Phần bài tự luận hoặc sửa câu sai thì có thể kết hợp giữa hoạt động nhóm và cá nhân.

Ở một số chương mục có thể tổ chức theo hình thức semina. Sinh viên sẽ chuẩn bị vấn đề và thuyết trình trước lớp về vấn đề ấy. Các sinh viên còn lại sẽ đặt câu hỏi phản biện. Trong hoạt động này, giáo viên chỉ đóng vai trò là người quan sát, và hỗ trợ những lúc cần thiết khi có những vấn đề khó.

Thông qua các trò chơi, các vở kịch, học sinh cũng có thể trình bày hiểu biết của mình về tiếng Việt và học cách sử dụng tiếng Việt đúng phong cách. Theo kinh nghiệm của chúng tôi, hình thức sân khấu hoá hay trò chơi giúp sinh viên dễ nhận ra lỗi sai và nhớ lâu kiến thức đó. Đồng thời, qua đó rèn cho các em khả năng thuyết trình trước đám đông. Qua thực tế giảng dạy, chúng tôi thấy những hoạt động như thế này rất được sinh viên hưởng ứng.

Để có thể rèn luyện kỹ năng tiếp nhận văn bản ở cả dạng nói và dạng viết, dùng powerpoint sẽ rất thích hợp. Giáo viên có thể cho sinh viên nghe một bài diễn văn, một đoạn phim khoa học... để các em tóm tắt nội dung chính. Hoặc qua một đoạn ghi âm, giáo viên cho sinh viên làm việc nhóm, chỉ ra các bước lập luận trong văn bản ấy. Giáo viên cũng có thể tạo ra những bài thuyết trình không chuẩn mực để học sinh chỉ ra lỗi sai và rút kinh nghiệm...

Với nội dung và phương pháp giảng dạy như trên thì cách đánh giá học sinh cũng cần phải là những đánh giá “mở”. Đề thi nên cấu tạo phong phú như các dạng bài tập đã nêu. Đặc biệt, ở phần đề thi tự luận, giáo viên nên đưa ra những vấn đề mang tính chất gợi mở, đáp án mở để sinh viên phát huy khả năng lập luận.

Nhìn chung, mỗi phương pháp đều có ưu nhược điểm riêng. Vấn đề là người dạy phải biết lựa chọn các phương pháp làm sao phù hợp với trình độ nhận thức và đặc điểm tâm lý của học sinh. Một giờ học tiếng Việt phải thực sự tạo được hứng thú cho sinh viên, để theo cách nói của Albert Einstein “Cần có cách dạy làm sao để học sinh cảm thấy những điều họ được học là một quà tặng quý giá chứ không phải là một nhiệm vụ ngán ngẩm”.